

## MỘT SỐ ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁO DỤC HOA KỲ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC MIỀN NAM VIỆT NAM (1965-1975)

### *Some impacts of US education on higher education in Southern Vietnam (1965-1975)*

ThS.NCS. Nguyễn Thị Mai Hương<sup>(1)</sup>, TS. Lưu Văn Quyết<sup>(2)</sup>

<sup>(1)</sup>Trường Cao đẳng Công thương TP.HCM

<sup>(2)</sup>Trường Đại học khoa học Xã hội và Nhân văn – ĐHQG TP.HCM

#### TÓM TẮT

Năm 1954, Mỹ hỗ trợ cho Ngô Đình Diệm phá hoại hiệp định Genève, thành lập chính quyền Việt Nam Cộng hòa ở miền Nam Việt Nam. Để đào tạo nguồn nhân lực phục vụ chế độ, Việt Nam Cộng hòa chú trọng phát triển giáo dục đại học. Một trong những nét nổi bật của giáo dục đại học miền Nam Việt Nam là sự tồn tại của hai khuynh hướng giáo dục kiểu Pháp và kiểu Mỹ, trong đó ngày càng tiến dần tới những ảnh hưởng của giáo dục Mỹ. Từ việc làm rõ những nhân tố tác động đến quá trình chuyển biến giáo dục đại học miền Nam Việt Nam, bài viết tập trung luận giải những ảnh hưởng của giáo dục Mỹ trên các khía cạnh cấu trúc hệ thống, mục tiêu, chương trình và phương pháp đào tạo, đồng thời có những nhận xét, đánh giá về vấn đề này.

**Từ khóa:** ảnh hưởng, giáo dục đại học, Mỹ, Việt Nam Cộng hòa, 1965-1975

#### ABSTRACT

In 1954, the US strongly supported Ngo Dinh Diem in sabotaging the Geneva Agreement by establishing a new political regime in Southern Vietnam, namely the Republic of Vietnam. To train human resources to serve the regime, the Republic of Vietnam focused on developing higher education. One of the salient features of higher education in Southern Vietnam is the coexistence of the two trends of French and American education, gradually moving towards the influence of American higher education. To clarify the factors affecting the transformation of higher education in Southern Vietnam, the article focuses on explaining and assessing the impacts of American education based on the aspects of system structure, objectives, the curriculum and methods.

**Keywords:** impacts, higher education, the US, Republic of Vietnam, 1965-1975

#### 1. Đặt vấn đề

Ngày 10-5-1955, Ngô Đình Diệm tuyên bố giải tán chính phủ do Bảo Đại lập ra trước đó và dựng lên chính phủ mới do mình làm Thủ tướng kiêm tổng trưởng Bộ Quốc phòng. Trên cơ sở tiếp nhận những cơ sở giáo dục đại học do Pháp để lại, dưới

sự viện trợ của Mỹ<sup>(1)</sup> thông qua phân bộ Giáo dục (Education Division) thuộc khối Truyền thông đại chúng (Media Communication Division), Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (United States Agency for International Development), cùng với việc huy động viện trợ tư nhân

hay viện trợ đa phương thông qua các tổ chức như cơ quan Văn hoá Á châu (Asia Foundation), Hội Á châu (Asia Society), cơ quan cứu trợ Công giáo Mỹ... (Bộ Quốc gia giáo dục Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ số 5701, 1967) Chính quyền Việt Nam Cộng hòa (VNCH) tiến hành những bước cơ bản để định hình những quan điểm, chính sách xây dựng giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam (MNVN) nhằm mục đích đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ, phục vụ cho việc kiến thiết “quốc gia”. Nền giáo dục đại học mà chính quyền VNCH cố gắng xây dựng ở miền Nam là một nền giáo dục thời chiến, có nhiệm vụ phục vụ một cách trực tiếp hay gián tiếp cho cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Trong những năm 1956-1964, mặc dù chịu sự chi phối của Mỹ về phương diện chính trị, viện trợ, cố vấn, và bản thân chính quyền VNCH đã dần chọn mô hình cho các Viện đại học ở MNVN theo mô hình giáo dục Hoa Kỳ với những thử nghiệm ban đầu với mong muốn xóa bỏ những ảnh hưởng của giáo dục Pháp. Tuy nhiên, do những ràng buộc về Hiệp ước văn hóa giáo dục mà chính quyền Bảo Đại ký với Pháp trước đó<sup>(2)</sup>, cùng với những nền tảng mà giáo dục Pháp để lại không dễ thay đổi, nên giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam trước năm 1965 vẫn mang nặng ảnh hưởng của giáo dục đại học Pháp từ hệ thống cấu trúc, đến chương trình, phương pháp giảng dạy. Từ năm 1965, khi Mỹ trực tiếp đưa quân vào MNVN, Mỹ chủ trương phát triển quan hệ tư bản chủ nghĩa ở MNVN bằng các chính sách viện trợ kinh tế. Để có nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở miền Nam, phục vụ cho cuộc chiến tranh, Mỹ xác định mục tiêu là giúp chính quyền VNCH đào tạo đội ngũ trí thức khoa học -

kỹ thuật đa dạng. Đội ngũ trí thức khoa học kỹ thuật theo đúng ý đồ của Mỹ chỉ có thể có được bằng nền giáo dục đại học theo mô hình Mỹ. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam có sự vận động, chuyển biến sang ảnh hưởng của Mỹ một cách rõ nét trên nhiều phương diện và ngày càng tăng lên trong những năm 70 của thế kỷ XX.

Trên cơ sở khai thác nguồn tài liệu gốc (tài liệu lưu trữ) gồm các Chỉ thị, Sắc lệnh, Tờ trình, Công văn... của chính quyền VNCH liên quan đến giáo dục đại học, cũng như những nghiên cứu của các học giả Việt Nam và quốc tế trong cùng lĩnh vực nghiên cứu, dựa vào phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic, bài viết này hướng tới việc bổ sung các phát hiện của các học giả đi trước bằng cách cho thấy một góc nhìn toàn diện và sâu sắc hơn về những nhân tố tác động đến sự chuyển biến của giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam; những ảnh hưởng của giáo dục Mỹ trong giáo dục đại học MNVN trên các khía cạnh: cấu trúc hệ thống; mục tiêu, chương trình, phương pháp đào tạo; đồng thời còn sử dụng phương pháp nghiên cứu liên ngành như: thống kê, so sánh, đối chiếu... để có thể nhận thức và đánh giá vấn đề nghiên cứu một cách khoa học và khách quan hơn.

## **2. Những nhân tố tác động đến quá trình chuyển biến giáo dục đại học miền Nam Việt Nam**

Hệ thống giáo dục đại học ở MNVN khởi đầu bằng việc cải biến Viện Đại học Đông Dương (Université Indochinoise)<sup>(3)</sup> sau khi cơ sở chính của Viện Đại học này di chuyển từ Hà Nội vào Sài Gòn (11-1954). Ngày 11-5-1955, Viện Đại học Đông Dương được Pháp chuyển giao cho chính quyền “Quốc gia Việt Nam” theo

thoả thuận bổ sung của Hiệp ước Văn hoá Việt - Pháp ký ngày 8-1-1951, và đổi tên là Viện Đại học Quốc gia Việt Nam. Ngày 1-3-1957, chính quyền VNCH ban hành Sắc lệnh số 45-GD, đổi tên Viện Đại học Quốc gia Việt Nam thành Viện Đại học Sài Gòn. Cũng theo Sắc lệnh số 45-GD, chính quyền VNCH đã thành lập thêm một Viện đại học mới là Viện Đại học Huế với chức năng “phát huy nền văn hóa Việt Nam và đồng thời tổng hợp nền văn hóa dân tộc với các nguồn tư tưởng quốc tế, giúp vào việc đào tạo các công dân có khả năng phục vụ quốc gia” (Bộ Giáo dục Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 1866, 1957). Viện Đại học Sài Gòn và viện Đại học Huế đều hình thành dựa trên cơ sở khuôn mẫu của Viện Đại học Đông Dương của Pháp - là các Viện Đại học đa ngành (trong Viện có nhiều trường, còn gọi là phân khoa)<sup>(4)</sup>. Đến đầu những năm 60 của thế kỷ XX, Viện Đại học Sài Gòn gồm các trường: Văn khoa, Luật khoa, Y khoa Đại học đường, trường Đại học Khoa học (Khoa học Đại học đường Sài Gòn), trường Cao đẳng Kiến trúc; Viện Đại học Huế gồm các trường: Văn Khoa, Luật khoa, Khóc học, Sư phạm, Y khoa (Lê Cung, 2012). Nhằm đào tạo kỹ sư, cán sự canh nông và kỹ nghệ, thời kỳ này chính quyền VNCH còn thành lập một số trường Cao đẳng và Chuyên nghiệp trong hệ thống giáo dục công lập, bao gồm: Trường Cao đẳng Quốc gia Nông - Lâm - Mục (thành lập năm 1955) và Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật Phú Thọ (thành lập năm 1957) (Bộ Quốc gia giáo dục Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 5701, 1967). Từ năm 1957 đến 1964, nhằm đáp ứng nhu cầu sinh viên theo học ngày càng tăng trong khi các trường công lập không đáp ứng đủ, chính quyền VNCH cho thành lập hai trường đại học tư thục do hai tôn giáo lớn là Thiên Chúa giáo và Phật

giáo thiết lập là Viện Đại học Đà Lạt (1957) và Viện Đại học Vạn Hạnh (1964) (Luu Văn Quyết, 2018, tr. 137).

Đặc điểm cơ bản của giáo dục đại học MNVN từ 1956 đến 1964 mang đậm ảnh hưởng của mô hình giáo dục đại học Pháp vốn được định hình ở Việt Nam từ đầu thế kỷ XX. Các cơ sở giáo dục ở miền Nam thời kỳ này bao gồm các Viện Đại học (trong viện có nhiều trường) và hệ thống các trường Cao đẳng và Chuyên nghiệp. Trong đó, các ngành kỹ thuật chủ yếu đào tạo ở trình độ cao đẳng và chuyên nghiệp, chưa có trường Đại học kỹ thuật chuyên biệt nào được thành lập trong giai đoạn này. Trong cơ cấu quản lý, các Viện đại học đều phải đặt dưới quyền điều hành của Bộ Giáo dục. Các quyết định quan trọng như tuyển dụng hay thăng trật của giáo sư, mua sắm vật liệu hay chi phí xây dựng đều phải trình Bộ Giáo dục duyệt ký. Sở dĩ có điều này là do những ràng buộc về Hiệp ước văn hóa giáo dục ký với Pháp cùng với những nền tảng mà giáo dục Pháp để lại chưa dễ gì thay đổi được, bên cạnh đó, mặc dù được Mỹ giúp sức, song chính quyền VNCH trong giai đoạn đầu cũng chưa đủ khả năng để tự xây dựng một hệ thống đại học mang bản sắc riêng.

Từ năm 1965, tình hình chính trị, xã hội ở MNVN có nhiều chuyển biến. Cuộc chiến tranh mà Mỹ thực hiện ở Việt Nam ngày càng bước vào giai đoạn quyết liệt, Mỹ đưa hàng chục vạn quân viễn chinh và quân của các nước đồng minh của Mỹ vào MNVN hòng tiêu diệt các lực lượng cách mạng, bình định MNVN. Trên lĩnh vực văn hóa, giáo dục, với mục tiêu “tìm hiểu những đặc điểm tâm lý, tình cảm, phong tục, thị hiếu của người Việt Nam để có thể truyền bá văn hóa Mỹ một cách thích hợp” (Phong Hiền, 1978, tr. 172), Mỹ đẩy mạnh

hơn nữa viện trợ cho chính quyền VNCH nhằm lấy “trái tim và khối óc” của nhân dân miền Nam. Mỹ đã cấp nhiều học bổng cho sinh viên Việt Nam và tổ chức cho các giảng viên, các bộ quản lý trong các trường đại học ở MNVN qua Mỹ học tập ngắn hạn và dài hạn. Bên cạnh đó, Mỹ còn cử các phái đoàn cố vấn đại học của Mỹ đến Việt Nam nghiên cứu, làm việc và đề xuất những dự án nhằm hỗ trợ cải tổ các cơ sở giáo dục đại học ở MNVN. Một báo cáo năm 1964 cho biết, có khoảng 127 sinh viên Việt Nam đã được Mỹ đào tạo và cấp bằng B.A (Bachelor of Arts) hoặc bằng B.S (Bachelor of Sciences), 45 sinh viên được cấp bằng M.A (Master) và 35 sinh viên được cấp bằng Ph.D (Doctor of Philosophy) ở Mỹ (Doan Viet Hoat, 1971, tr. 269-270). Đến năm 1968 số sinh viên và cán bộ miền Nam du học ở Mỹ là 4.809 người (JUSPAO, 1969). Năm 1969, chương trình học bổng mà Mỹ cấp cho Việt Nam có giá trị khoảng 2.385.000 USD (Doan Viet Hoat, 1971, tr. 269). Với chương trình học bổng này, Mỹ đã tài trợ cho hàng ngàn sinh viên Việt Nam và một số giảng viên, nhân viên hành chính của VNCH sang du học tại Mỹ và một số nước khác.

Ngoài ra, Mỹ còn gửi các cán bộ quản lý, giảng viên của các viện đại học ở MNVN đi thăm quan mô hình đào tạo và tu nghiệp ngắn hạn ở Hoa Kỳ và các nước khác. Theo tác giả Phong Hiền, tính đến năm 1970 “hầu hết các vị Viện trưởng và Khoa trưởng của năm Viện đại học tại MNVN đều đã thăm viếng, quan sát giáo dục đại học tại Hoa Kỳ” (Phong Hiền, 1984, tr. 90). Các chương trình du học của sinh viên, các chuyến tham quan, nghiên cứu của đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục tại Mỹ đều nhằm hướng đến mục tiêu là đào tạo ra nhiều giáo sư đại học ở MNVN biết

quản lý giáo dục theo mô hình Mỹ (USAID, Office of Education, 1967). Theo tác giả Trần Ngọc Định “với việc thông qua chương trình đào tạo này Mỹ đã đánh bại ảnh hưởng của Pháp và nhất là chương trình lãnh đạo đã cung cấp cho chính quyền VNCH những sản phẩm do chính Mỹ đào tạo (Trần Ngọc Định, 1975, tr. 21). Đặc biệt, khi Hiệp ước hợp tác văn hóa được ký kết giữa chính phủ Quốc gia Việt Nam với Pháp hết hiệu lực, chính quyền VNCH đã thể hiện đường hướng muốn đoạn tuyệt những liên hệ về văn hóa, giáo dục với Pháp. Trong bối cảnh đó, giáo dục đại học MNVN có sự chuyển hướng từ ảnh hưởng của giáo dục đại học Pháp sang chịu ảnh hưởng của giáo dục đại học Hoa Kỳ trên các khía cạnh hệ thống cấu trúc cũng như mục tiêu, chương trình và phương pháp đào tạo.

### **3. Ảnh hưởng giáo dục Mỹ trong giáo dục đại học miền Nam Việt Nam (1965-1975)**

#### **3.1 Ảnh hưởng trong hệ thống cấu trúc**

Từ năm 1965, các Viện đại học công lập ở MNVN ra đời trước đó (Viện Đại học Sài Gòn và Viện Đại học Huế) về mặt tổ chức được sắp xếp lại, đồng thời có sự ra đời của một số cơ sở giáo dục mới mang đặc trưng của giáo dục Mỹ. Năm 1966 Viện Đại học Cần Thơ (Can Tho University) được thành lập với mục đích gắn liền giáo dục đại học với nhu cầu phát triển thực tiễn của địa phương, thể hiện tính năng động và chuyển dịch theo hướng giáo dục đại học gắn liền với thực tiễn của đời sống của dân chúng theo xu thế đại học Mỹ. Viện đại học Cần Thơ bao gồm 4 phân khoa đại học: Khoa học, Luật khoa và khoa học xã hội; sư phạm và Văn khoa (Phạm Thị Phương, 2010). Ngày 29-3-1973, Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức (Thu Duc

Polytechnic University) được thành lập. Đây là Viện đại học phỏng theo mô hình đại học Bách khoa của Hoa Kỳ (California Polytechnic State University), là đại học đa ngành, chú trọng đến các ngành thực tiễn, cần thiết cho nền kinh tế tại Sài Gòn và các tỉnh lân cận (Ngô Minh Oanh, 2018, tr. 39). Sự ra đời của Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức mang đặc điểm mới là một viện đại học bách khoa kỹ thuật, đánh dấu bước chuyển biến trong giáo dục kỹ thuật và chuyên nghiệp với quá trình tái cơ cấu các trường cao đẳng và chuyên nghiệp trong nền giáo dục đại học ở MNVN. Lần đầu tiên, một trường đại học được thành lập ở MNVN không phải theo đúng khuôn mẫu các phân khoa như Viện Đại học Sài Gòn trước đó (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974, tr. 32).

Từ những năm 1970, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội ở các địa phương, trong hệ thống giáo dục đại học MNVN có sự xuất hiện các trường Đại học cộng đồng (Community college) Đại học cộng đồng có nguồn gốc từ Hoa Kỳ, với đặc điểm đa ngành, được thành lập với sự tham gia đóng góp, xây dựng và quản trị của các địa phương (Ngô Minh Oanh, 2018, tr. 41-42). Mô hình giáo dục cộng đồng ở Hoa Kỳ phát triển mạnh mẽ từ năm 1944, gắn liền với Đạo luật “GI Bill” với mục tiêu tạo cơ hội cho cựu quân nhân nhập học các chương trình khác nhau trong các trường đại học. Đạo luật này đã mở ra thời kỳ mở rộng quy mô lớn nhất trong lịch sử giáo dục đại học Hoa Kỳ (Đỗ Bá Khê, 1972). Từ năm 1971 đến 1974, ở MNVN các trường đại học Cộng đồng lần lượt hình thành, bao gồm: trường Đại học Cộng đồng Tiền Giang và trường Đại học Cộng đồng Duyên Hải ở Khánh Hòa thành lập năm 1971, Viện Đại học Công cộng Quảng Đà

thành lập năm 1974 và Trường Đại học Regina Pacis giành riêng cho nữ sinh do Giáo hội thiên chúa giáo thành lập ở Sài Gòn năm 1973 theo mô hình đại học Cộng đồng (Hội đồng Văn hóa Giáo dục Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 07, 1971). Các trường này đặt trọng tâm vào việc đào tạo các ngành nghề như gắn liền với các địa phương như: nông nghiệp, ngư nghiệp, quản lý kinh tế... và đã phát huy tác dụng trong việc đào tạo các chuyên viên ở nhiều ngành, phù hợp với sự phát triển ở các địa phương (Hội đồng Văn hóa Giáo dục Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 07, 1971). Các nhà hoạch định chính sách giáo dục đại học VNCH lúc đó quan niệm: “Viện đại học cộng đồng là tổng hợp của một viện đại học cổ điển và các trường cao đẳng, nơi đây thầy thợ tương lai sẽ học chung dưới một mái trường, tập sống dân chủ tại nhà trường để về sau xây dựng một xã hội công bằng” (Đỗ Bá Khê, 1972). Về sau, nhiều địa phương khác ở MNVN cũng dự định thành lập đại học cộng đồng nhưng chưa thực hiện được thì chính quyền VNCH sụp đổ (1975).

Như vậy, từ năm 1965 cho đến năm 1975, giáo dục đại học ở MNVN đã diễn ra quá trình tái cơ cấu các trường cao đẳng và chuyên nghiệp kỹ thuật và đã đưa đến một mô thức đại học mới đó là Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức - một viện đại học bách khoa kỹ thuật đầu tiên và bản chất khác hẳn với các viện đại học theo mô hình Pháp giai đoạn trước và sự xuất hiện các trường đại học cộng đồng kiểu Mỹ.

### **3.2. Ảnh hưởng trong mục tiêu, chương trình và phương pháp đào tạo**

Từ năm 1965 các trường đại học ở MNVN bước vào một giai đoạn chuyển đổi về chương trình, phương pháp đào tạo theo hướng đa ngành, gắn với thực tiễn xã hội,

theo hướng đại chúng, thực dụng của Mỹ: “trong giảng dạy phải chú trọng cả hai mặt lý thuyết và thực hành để sinh viên khỏi bỡ ngỡ khi rời khỏi ghế nhà trường lăn mình vào xã hội” (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974, tr. 163). Cho đến đầu những năm 70 của thế kỷ XX, đường hướng cải tổ giáo dục đại học đã được chính quyền VNCH đề ra như sau: Chuyển từ khuôn mẫu đại học cổ điển Âu châu qua khuôn mẫu mô phỏng đại học Hoa Kỳ nhằm giảm bớt các tốn kém phí phạm không cần thiết; hòa hợp với tiêu chuẩn đại học của các lân bang trong khu vực Thái Bình Dương; đào tạo số chuyên viên trung cấp và cao cấp theo nhu cầu phát triển quốc gia; khuyến khích mở các đại học cộng đồng với sự đầu tư của lĩnh vực tư, chú trọng tới chiều hướng khoa học và thực dụng (Phạm Đình Thắng, 1972, tr. 9). Trong chính sách giáo dục năm 1971 của chính quyền VNCH ghi rõ: Sứ mạng trọng yếu và đa diện của đại học là phát huy nền văn hóa dân tộc; đào tạo những lớp lãnh đạo và chuyên viên cho mọi ngành hoạt động; định giá nghiên cứu sáng tạo và quảng bá các loại kiến thức về văn hóa và khoa học kỹ thuật cần thiết cho sự phát triển và tiến bộ. Hợp tác với các giới đại học và khảo cứu quốc tế để văn hóa dân tộc góp phần thích đáng cho kho tàng văn hóa nhân loại, tạo sự đối thoại thực sự giữa các nền văn hóa của thế giới đi đến việc xây dựng một nền hòa bình thực sự và bền vững. Tuy nhiên trong giai đoạn hiện tại, cần đặt nặng sự cải tạo xã hội và phát triển nền kinh tế, mục tiêu số hai phải được đặt ở hàng ưu tiên đầu nhằm đào tạo kịp thời số cán bộ cần thiết (Hội đồng Văn hóa Giáo dục Việt Nam Cộng hòa, Hồ sơ 07, 1971). Với quan điểm đó, từ năm 1970 trở đi, giáo dục đại học MNVN đặt trọng tâm

hoạt động vào những ngành học thực dụng, nhằm mục đích phục vụ đại chúng, đặc biệt là về kinh tế.

Thời kỳ này, chế độ đào tạo theo *chứng chỉ* và *niên chế* mặc dù vẫn được áp dụng trong các trường giống như giai đoạn trước, tuy nhiên từ những năm 1970, hình thức đào tạo *tín chỉ* (Crédit) <sup>(5)</sup> theo mô hình giáo dục đại học của Hoa Kỳ đã được áp dụng trong một số trường đại học công lập ở MNVN như: Viện Đại học Cần Thơ, trường Luật khoa, Đại học Nông nghiệp, Đại học Giáo dục, Đại học Khoa học cơ bản, Đại học Sư phạm (Huế), Viện Đại học Bách khoa Thủ Đức và các trường Đại học cộng đồng. Theo đánh giá của các nhà giáo dục thời đó: “Đây là công cuộc cải tổ mới mẻ, rất thuận tiện cho việc học tập của sinh viên” (Phạm Thị Phương, 2010). Các môn học thời kỳ này cũng không bị đóng khung hay phải chịu các quy định khắt khe về nội dung như giai đoạn trước mà luôn được điều chỉnh và cập nhật nhằm đảm bảo cho sinh viên được tiếp cận với các kiến thức khoa học mới, thiết thực và gắn liền với thực tế cuộc sống. Người học có thể tự do lựa chọn *chứng chỉ* hay *tín chỉ* phù hợp với kế hoạch cá nhân để theo học. Nội dung đào tạo của các trường chuyển hướng gắn liền với thực tiễn hơn. Giáo sư Đoàn Viết Hoạt người tham gia giảng dạy trong hệ thống giáo dục Đại học ở MNVN thời kỳ đó nhận định: “Một số môn học, một số phương pháp giảng dạy ở một số trường rõ ràng là đã ảnh hưởng nặng nề từ nền giáo dục Mỹ” (Doan Viet Hoat, 1971, tr. 363). Về chương trình giảng dạy của các ngành khoa học xã hội ở MNVN: “trong số 30 chứng chỉ cử nhân chỉ có 5 chứng chỉ liên quan tới văn hóa Việt Nam, 2 chứng chỉ hơi liên quan, 3/4 còn lại toàn về văn hóa Mỹ, Anh, Pháp, v.v. Số lớp giảng dạy các

môn học về Việt Nam chỉ chiếm 1/5 tổng số lớp giảng của trường” (Viện Đại học Sài Gòn, 1966, tr. 201-202).

Bên cạnh phương pháp cổ điển là thuyết giảng, đối với những ngành học gắn liền với thực tiễn, đội ngũ giảng viên và sinh viên đã áp dụng những phương pháp dạy và học mới, phong phú hơn như: thuyết trình và thảo luận, học nhóm, sưu khảo, thực tập, v.v. Trong đó, phương pháp thực tập được áp dụng phổ biến tại các trường Sư phạm, Y khoa, Hành chính, Dược khoa, Công tác xã hội. Sinh viên được gửi tới các cơ quan hành chính công quyền và làm việc thực sự dưới sự hướng dẫn của các thủ trưởng cơ quan, đây là dịp sinh viên được “nhúng tay thực sự vào công việc hành chính, đồng thời quan sát cách tổ chức cùng cách thức làm việc tại cơ quan hành chính và đối chiếu lý thuyết với kinh nghiệm thu thập được trong khi thực hành” (Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ, 1974, tr. 616).

Như vậy, dấu ấn của sự thực dụng, thực tế trong triết lý giáo dục đại học Mỹ đã nhanh chóng hiện diện trong chương trình giảng dạy của nhiều Viện đại học ở MNVN. Mục tiêu, chương trình và phương pháp đào tạo thời kỳ này đã chuyển hướng gắn liền với thực tiễn - chuyển dịch từ đặc điểm của giáo dục nặng về lý thuyết tổng quát của Pháp, sang xu hướng đại chúng, đặt trọng tâm hoạt động vào những ngành học thực dụng, nhằm mục đích phục vụ đại chúng theo hướng chuyên môn hóa của Hoa Kỳ; những ngành học gắn liền với thực tiễn đã có những phương pháp dạy và học mới, phong phú và thực tế; chế độ tự trị đại học ngày càng được nhấn mạnh. Đây chính là những biểu hiện cho thấy ảnh hưởng của giáo dục đại học Hoa Kỳ đối với giáo dục đại học ở MNVN ngày càng

tăng lên.

#### **4. Kết luận**

Giáo dục đại học ở MNVN trong những năm 1956 - 1975 đã hình thành những đặc điểm cơ bản gắn liền với bối cảnh lịch sử ở MNVN. Đó là một nền giáo dục vận động trong bối cảnh chiến tranh, chịu tác động chi phối mạnh mẽ của yếu tố hoàn cảnh chiến tranh. Từ năm 1965, dưới tác động của nhiều yếu tố, những giá trị thực tiễn, tính thực dụng của giáo dục đại học Mỹ trong mô hình giáo dục đại học Việt Nam Cộng hòa đã được định hình và thể hiện rõ trong cấu trúc hệ thống, nội dung, chương trình và phương pháp đào tạo. Sự ra đời của các loại hình giáo dục đại học mới như đại học bách khoa kỹ thuật, đại học cộng đồng kiểu Mỹ gắn liền với sự phát triển của địa phương; sự chuyển đổi học chế sang học chế tín chỉ, đề cao sự chủ động, linh hoạt của sinh viên trong quá trình học tập; chế độ tự trị đại học ngày càng được nhấn mạnh, được ghi trong Hiến pháp và cũng đã xác lập được chỗ đứng. Vì thế đã phần nào khắc phục được những nhược điểm mang tính hàn lâm, từ chương của giáo dục đại học theo kiểu Pháp. Theo nhận xét của những nhà giáo dục thời đó, “việc mở ra một đại học có xu hướng Mỹ, chủ chốt do những người thụ huấn tại đại học Mỹ, đã đáp ứng cho nhu cầu và thời điểm phát triển của tầng lớp thanh niên trí thức mới trong giai đoạn có ảnh hưởng Mỹ” (Doan Viet Hoat, 1971). Trong quá trình đổi mới giáo dục đại học của Việt Nam, đặc biệt là trong bối cảnh nền giáo dục đại học Việt Nam đang gặp nhiều vấn đề “nan giải” trong giai đoạn hiện nay, việc học hỏi, tiếp thu những giá trị của các mô hình giáo dục đại học tiên tiến thiết nghĩ cũng là một nhu cầu tất yếu.

## Chú thích

- (1) Từ năm 1954 đến năm 1964, viện trợ hàng năm của Mỹ cho giáo dục Việt Nam Cộng hòa chiếm khoảng từ 1 đến 2 triệu USD.
- (2) Ngày 8/3/1949, Thủ tướng Pháp Vicent Auriol ký với Bảo Đại (đại diện Quốc gia Việt Nam) bản Hiệp ước Elyseé (tiếng Pháp là *Accords de l'Elysée*) với nhiều nội dung, trong đó có điều khoản Pháp thừa nhận nền độc lập của chính phủ Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại lập ra, đổi lại Quốc gia Việt Nam công nhận cho Pháp được quyền tiếp tục duy trì tại Việt Nam các trường đại học của mình dưới danh nghĩa Liên Hiệp Pháp (Nghiêm Kế Tổ, 1954, tr.89). Sau đó, Chính phủ Pháp lại ký với Bảo Đại một bản Hiệp ước Văn hóa vào ngày 30/12/1949 và Bản bổ sung (các điều khoản chuyên tiếp) ngày 8/1/1951, trong đó có quy định về việc chuyển giao cơ sở giáo dục này cho Chính phủ Quốc gia Việt Nam (Luro, Gustave Dumoutier, 1887, tr. 8). Về mặt pháp lý, những thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi của người Pháp hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đại học ở Việt Nam.
- (3) Ngày 16-5-1906, Toàn quyền Đông Dương Paul Beau ban hành Nghị định số 1514a thành lập Viện Đại học Đông Dương. Ngày 30/12/1949, Viện Đại học này được đổi tên thành Viện Đại học Hồn hợp Pháp - Việt.
- (4) Giáo dục đại học Pháp sử dụng hệ thống phân khoa đại học (faculté) làm căn bản tổ chức các viện đại học. “Faculté” thường được dịch là “khoa” hay “phân khoa” (tương đương với một trường đại học của các đại học quốc gia và đại học vùng hiện nay. Trong mô hình tổ chức đại học (Université) của Pháp thì “Faculté” thực sự là một “trường đại học”, còn “Université” là “viện đại học”. Trong quy chế đại học Pháp, “Faculté” cao hơn “École supérieure” (trường cao đẳng) (“Faculté” đào tạo học vị tiến sĩ (Docteur).
- (5) Mô hình đào tạo tín chỉ lần đầu tiên được đề xuất, áp dụng ở đại học Harvard Hoa Kỳ năm 1872, rồi phổ biến khắp các đại học Mỹ.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục Việt Nam Cộng hòa (1957). *Sắc lệnh số 45-GD ngày 1/3/1957 của Tổng thống Việt Nam Cộng hòa*. Hồ sơ 1866. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.
- Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam Cộng hòa (1967). *Vấn đề đại học và kế hoạch cải tổ nền đại học*. Hồ sơ 5701. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Doan Viet Hoat (1971). *The development of modern higher Education in Vietnam: a focus on cultural and social-political forces*. PhD dissertation, the Florida State University, United States.
- Đỗ Bá Khê (1972). Đại học Cộng đồng, *Tạp san phát triển xã hội*, số 4 (11).
- Hội đồng Văn hóa Giáo dục Việt Nam Cộng hòa (1971). *Hồ sơ khóa họp thường kỳ I của Hội đồng Văn hóa Giáo dục từ 22/3 đến 31/3/1971: Đề tài thảo luận về chính sách văn hóa, giáo dục*. Hồ sơ 07. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- JUSPAO. (1969). *Higher Education in Saigon, Copy of unclassified message from JUSPAO*, Saigon, No.52, August 23.



- Lê Cung (2012). *Đại học Huế - 55 năm xây dựng và phát triển (1957 - 2012)*. Huế: NXB Đại học Huế.
- Luro, Gustave Dumoutier (1887). *Buổi đầu của giáo dục Pháp tại Bắc kỳ*. Hanoi: Imprimerie Schneider.
- Lưu Văn Quyết (2018). Sự chuyển biến mô hình giáo dục đại học ở miền Nam Việt Nam (1956-1975). *Tạp chí Khoa học Đại học Thủ Dầu Một*, số 1(36).
- Nghiêm Kế Tổ (1954). *Việt Nam máu lửa*. Sài Gòn: NXB Mai Lĩnh.
- Ngô Minh Oanh (2018). *Giáo dục phổ thông ở MNVN (1954 - 1975)*. TP. HCM: NXB Tổng hợp.
- Phạm Đình Thắng (1972). *Thuyết trình đề tài “Giáo dục vị dân sinh, triết lý của những chủ trương cải tổ giáo dục VNCH của Bác sỹ Nguyễn Lưu Viên*. Viện Đại học Sài Gòn. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Phạm Thị Phương (2010). *Lịch sử hình thành và phát triển Viện Đại học Cần Thơ*, Luận văn Thạc sĩ sử học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM.
- Phong Hiền (1978). Một số công cụ tư tưởng phục vụ cho chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. In trong *Sưu tập chuyên đề Chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam*, tập 3. Hà Nội: NXB Thông tin Lý luận.
- Phong Hiền (1984). *Chủ nghĩa thực dân mới kiểu Mỹ ở miền Nam Việt Nam: Khía cạnh tư tưởng và văn hóa (1954-1975)*. Hà Nội: NXB Thông tin Lý luận.
- Phòng Tâm lý và Hướng nghiệp Đắc Lộ (1974). *Chỉ nam giáo dục cao đẳng Việt Nam*. Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II.
- Trần Ngọc Định (1975). Nền giáo dục đại học thực dân mới của Mỹ ở miền Nam Việt Nam trước ngày giải phóng, *Tạp chí Nghiên cứu lịch sử*, số 11 (12).
- USAID, Office of Education (1967). *Participant Training: Objectives and Returns*. Saigon: October.
- Viện Đại học Sài Gòn (1966). *Chỉ nam sinh viên Đại học Sài Gòn 1966*, Sài Gòn. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II.

Ngày nhận bài: 22/02/2021

Biên tập xong: 15/01/2022

Duyệt đăng: 20/01/2022